

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HSST

Ngày: 30/6/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Bách.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Nguyễn Trường Ca và bà Vũ Thị Linh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Quốc Cường- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2023/TLST-HS, ngày 27 tháng 4 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HS ngày 12/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 32 ngày 23/6/2023, đối với bị cáo: **Lê Văn H-** sinh năm 1992;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: KDC T, phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ Lê Văn T (đã chết), mẹ đẻ Đỗ Thị Kim N; Vợ là Nguyễn Thu H1; Có 01 con sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/01/2023, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Công ty Cổ phần GTK.

Người đại diện: Ông Phạm Hồng Q- Giám đốc.

Địa chỉ: Tòa nhà VTV, số 8, phường M, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Đỗ Thị Kim N- sinh năm 1965.

Địa chỉ: KDC T, phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

* *Người làm chứng:*

+ Chị Nguyễn Thị H2- sinh năm 1993.

+ Chị Nguyễn Thị Minh H3- sinh năm 1989.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn H ký Hợp đồng dịch vụ số MB.395564-2/2022/HĐDV ngày 09/9/2022 với Công ty Cổ phần GTK có địa chỉ tại Tòa nhà VTV, số 8, phường M, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. H được phân công làm việc tại Chi nhánh tỉnh Hải Dương địa điểm kinh doanh số 16 có địa chỉ tại số 10 Đ, phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (kho Chí Linh). Chi nhánh làm việc theo ca: ca sáng bắt đầu nhận hàng vào 07 giờ 30 phút, trở về kho lúc 12 giờ 30 phút; ca chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút. Theo hợp đồng, H có trách nhiệm giao nhận hàng hóa theo chỉ dẫn của người quản lý công ty hoặc theo chỉ định phương tiện liên lạc được chỉ định, hướng dẫn của công ty, thu hộ tiền từ khách hàng và nộp lại đầy đủ tiền thu hộ (nếu có), cập nhật và bàn giao kết quả thực hiện dịch vụ theo đúng yêu cầu cho công ty vào cuối mỗi ca. H được công ty cấp cho tài khoản tên “hoanlv9” có bảo mật bằng mật khẩu để thao tác trên hệ thống phần mềm quản lý của công ty là “**GHTK Drivers & X**”. Trường hợp giao được đơn hàng thì H thu tiền theo giá ghi trên đơn hàng và bấm xác nhận tình trạng giao hàng thành công trên ứng dụng. Trường hợp không giao được hàng do không liên hệ được với khách hàng hoặc khách hàng hẹn lại thời gian nhận hàng thì H xác nhận tình trạng “*hẹn lại*” (delay) vào ứng dụng. Trường hợp khách từ chối nhận hàng thì H bấm trạng thái hủy, không thu. Trường hợp khách hàng đã xem nhưng không nhận hàng, có trả phí vận chuyển ship còn bưu phẩm quay lại thì H xác nhận trạng thái giao hàng một phần. Cuối mỗi ca, H về kho gặp Quản lý kho hoặc Thu ngân để bàn giao lại số đơn hàng chưa giao được, số tiền thu hộ theo thông tin trên phần mềm quản lý. Quản lý kho dùng máy quét lại hàng để kiểm tra, đối chiếu với số hàng H báo không giao được để nhận lại hàng và tiền. Quá trình thu tiền, khách hàng có thể trả tiền mặt hoặc

chuyển khoản vào số tài khoản ngân hàng Quân đội (Mbank) số 0966924444 của H để nhận tiền thu hộ khách.

Ngày 11/10/2022, H đến địa điểm kinh doanh số 16 (kho Chí Linh) để nhận 118 đơn hàng và đã giao thành công 83 đơn hàng, trong đó có 02 đơn hàng mã S942804.BO.MB6-02-B17.1626778474, hàng hóa là “*Nấm Linh Chi- Hàn Quốc*” cho chị Vũ Thị D- sinh năm 1978, trú tại KDC T1, phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, thu số tiền mặt là 6.500.000đ; đơn hàng mã S391637.MB6-02-B22.1567001483, hàng hóa là “*Tùng 10*” cho chị Nguyễn Thị Thu D1- sinh năm 1986, thôn T, xã L, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, thu số tiền là 4.450.000đ do chị D1 chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng số 0966924444 của H. Do H có ý định chiếm đoạt số tiền từ 02 đơn hàng trên để lấy tiền chi tiêu cá nhân nên trên hệ thống phần mềm quản lý của công ty, H đã thao tác “delay” 02 đơn hàng trên- nghĩa là đơn hàng chưa giao được cho khách. Đến thời điểm chốt ca về kho, theo số lượng đơn hàng giao trong ca cho H thì H phải nộp lại số đơn hàng “delay” và số tiền các đơn hàng đã giao thành công cho Quản lý địa điểm kinh doanh số 16. Đối với 02 đơn hàng trên H đã lấy 02 hộp giấy rỗng và in tem hẹn (tem hẹn có mã vạch đơn hàng và thể hiện khách hàng hẹn thời gian lấy hàng) dán lên bên trên hộp và giao cho Quản lý địa điểm kinh doanh số 16 cùng các đơn hàng khác chưa giao thành công trong ngày, số tiền H chiếm đoạt là 10.950.000đ và H đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 12/10/2022, H đến địa điểm kinh doanh số 16 (kho Chí Linh) để nhận 87 đơn hàng, H đã giao thành công 74 đơn hàng, trong đó có đơn hàng mã S18776664.MB6-02-B19.1289800881, tên hàng hóa là “*11 trắng 64g*” cho anh Lục Quốc H5- sinh năm 2002, trú tại KDC T, phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, thu số tiền là 9.090.000đ do anh H5 chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng số 0966924444 của H. Do H có ý định chiếm đoạt số tiền trên để lấy tiền chi tiêu cá nhân nên trên hệ thống phần mềm quản lý của công ty, H đã thao tác “delay” đơn hàng trên- nghĩa là đơn hàng chưa giao được cho khách. Đến thời điểm chốt ca về kho, H đã nộp lại đơn hàng “delay” cho Quản lý địa điểm kinh doanh số 16. Thực tế H đã lấy 01 hộp giấy rỗng và in tem hẹn (tem hẹn có mã vạch đơn hàng và thể hiện khách hàng hẹn thời gian lấy hàng) dán lên bên trên hộp, số tiền H chiếm đoạt là 9.090.000đ và H đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 13/10/2022, H đến địa điểm kinh doanh số 16 (kho Chí Linh) để nhận 97 đơn hàng, Hoàn đã giao thành công 82 đơn hàng, trong đó có 03 đơn hàng mã S21813573.MB6-02-B22.1228193390, tên hàng hóa là “*Nồi chiên không dầu*” cho

ông Dương Văn T- sinh năm 1960, trú tại KDC To, phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, thu số tiền mặt là 2.190.000đ; đơn hàng mã S16341334.MB6-02-B22.1240444616, tên hàng hóa là “*Nước hoa*” cho chị Vũ Thị H6- sinh năm 1985, trú tại KDC B, phường H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, thu số tiền mặt là 3.100.000đ; đơn hàng mã S387097.MB6-02-B22.1217415605, tên hàng hóa là “*Váy*” cho chị Nguyễn Thị Thu D1- sinh năm 1986, thôn T, xã L, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, thu số tiền là 4.060.000đ do chị D1 chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng số 0966924444 của Hoàn. Do H có ý định chiếm đoạt tổng số tiền 9.350.000đ của 03 đơn hàng trên để lấy tiền chi tiêu cá nhân nên trên hệ thống phần mềm quản lý của công ty, H đã thao tác “delay” 03 đơn hàng trên- nghĩa là đơn hàng chưa giao được cho khách. Đến thời điểm chốt ca về kho, H đã nộp lại 03 đơn hàng “delay” cho Quản lý địa điểm kinh doanh số 16. Thực tế H đã lấy 03 hộp giấy rỗng và in tem hện (tem hện có mã vạch đơn hàng và thể hiện khách hàng hện thời gian lấy hàng) dán lên bên trên hộp.

Ngày 14/10/2022, H lại đến địa điểm kinh doanh số 16 (kho Chí Linh) để nhận 55 đơn hàng (trong đó có 06 đơn hàng Hoàn báo delay và tạo hộp giấy rỗng dán tem giao lại cho Quản lý kho trong các ngày 11, 12, 13/10/2022). H đã giao thành công 45 đơn hàng và thu số tiền 43.144.925đ, đồng thời H xác nhận trên hệ thống giao thành công đối với cả 06 đơn hàng “delay” trên. Sau khi thu được số tiền trên H nảy sinh ý định chiếm đoạt toàn bộ để sử dụng vào mục đích cá nhân nên đến thời điểm phải về kho Chí Linh chốt ca và nộp lại số tiền đã thu nhưng H không về thực hiện, cuối giờ chiều cùng ngày đại diện Địa điểm kinh doanh số 16 đã đến nhà tìm H để yêu cầu H nộp lại số tiền trên nhưng H đã chi tiêu hết không có khả năng chi trả và xin thời gian để khắc phục. H đã giao lại cho Quản lý kho Chí Linh 04 đơn hàng còn lại mà H chưa giao được. Tổng số tiền Lê Văn H chiếm đoạt trong 04 ngày của Công ty Cổ phần GTK là 72.534.925đ.

Vật chứng của vụ án: 06 hộp giấy rỗng Hoàn làm giả, khi quản lý kho Chí Linh giao lại, trên đường đi H đã vứt đi không nhớ địa điểm nên không thu giữ được; đối với 01 chiếc điện thoại H sử dụng để liên lạc, giao dịch với Công ty và khách hàng H đã làm mất nên không thu giữ được; đối với xe máy H sử dụng để đi lại và giao hàng, H xác định là mượn của một số người quen nhưng không nhớ cụ thể nên không làm rõ được.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi phạm tội H đã cùng mẹ đẻ là bà Đỗ Thị Kim N- sinh năm 1965 trả lại cho Công ty Cổ phần GTK số tiền 72.534.925đ và Công ty không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Bản Cáo trạng số 45/CT-VKS-CL, ngày 26/4/2023, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều vắng mặt.

Bị cáo Lê Văn H đã thành khẩn khai nhận như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xử bị cáo mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh thực hành quyền công tố, trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “Tham ô tài sản”. Áp dụng Điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt Lê Văn H từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 09 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 05/01/2023.

Về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng: Không phải giải quyết.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người này nên căn cứ vào các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố

tụng hình sự, xét xử vắng mặt họ.

[3] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, của người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Do có mục đích chiếm đoạt, lợi dụng quyền được giao quản lý tài sản (giao hàng, nhận tiền) của Công ty Cổ phần GTK và khách hàng. Trong các ngày 11, 12, 13, 14/10/2022 Lê Văn H đã chiếm đoạt của Công ty Cổ phần GTK số tiền hàng là 72.534.925đ.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của Công ty Cổ phần GTK. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lợi dụng quyền được giao quản lý tài sản của mình để chiếm đoạt là vi phạm pháp luật; nhưng vì tư lợi và thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên bị cáo vẫn cố ý 04 lần thực hiện với giá trị tài sản chiếm đoạt là 72.534.925đ. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2, khoản 6 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy rằng:

5.1. Bị cáo Lê Văn H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

5.2. Bị cáo Lê Văn H đã cùng người thân thích bồi thường thiệt hại cho bị hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo Lê Văn H khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự bị cáo có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định, bị phạt tiền, bị tịch thu tài sản. Xét tính chất, hành vi và hậu quả như điều kiện kinh tế của bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung nào đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Công ty Cổ phần GTK đã được bị cáo và mẹ đẻ là bà Đỗ Thị Kim N bồi thường số tiền 72.534.925đ và không yêu cầu bồi thường

gì khác; Bà Đỗ Thị Kim N cũng không yêu cầu bị cáo trả số tiền bà đã bỏ ra nên không phải xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng:

9.1. Đối với 06 hộp giấy rỗng H làm giả, khi quản lý kho Chí Linh giao lại, trên đường đi H đã vứt đi không nhớ địa điểm nên không thu giữ được nên không phải giải quyết.

9.2. Đối với 01 chiếc điện thoại H sử dụng để liên lạc, giao dịch với Công ty và khách hàng H đã làm mất nên không thu giữ được nên không phải giải quyết.

9.3. Đối với chiếc xe máy H sử dụng để đi lại và giao hàng, H xác định là mượn của một số người quen nhưng không nhớ cụ thể nên không làm rõ được cũng không phải giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm c khoản 2, khoản 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 293; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H **07 (Bảy)** năm **09 (Chín)** tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 05/01/2023, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Không phải giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- VKSND thành phố Chí Linh;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an thành phố Chí Linh;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu trữ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Bách